|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 31**Tiết 120-121  | VB2- CHOÁNG NGỢP VÀ ĐAU ĐỚN NHỮNG CẢNH BÁO TỪ LOẠT PHIM *“HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA”*(Lâm Lê) | **NS:21.4.2024****ND:22.4.2024** |

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:** - HS nhận biết được các đặc điểm nổi bật của VB giới thiệu về một bộ phim.(HS khuyết tật chỉ thực hiện yêu cầu này)

* HS phần tích được tác dụng của việc sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong một VB thông tin.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản “Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản “Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề;

**3. Phẩm chất:**

 Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất và thể hiện được khát vọng khám phá những điểu bí ẩn, kì diệu của sự sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- SGK, SGV, Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có liên quan đến văn bản “Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”*;*

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 2 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Chuỗi các hoạt động học**

**2. Những cảnh báo từ loạt phim**

**\*B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

? Dựa vào thông tin của văn bản, em hãy chỉ ra những dẫn chứng biểu hiện cho vẻ đẹp của thiên nhiên? Để tái hiện nội dung đó, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào là chủ yếu? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

**\* B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân, toàn lớp, đọc tìm kiếm thông tin ở SGK .

**\* B3. Báo cáo kết quả:**

- GV gọi HS trình bày kết quả phát hiện được. HS khác bổ sung.

**\* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức**.

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, ghi bảng, (chiếu cho HS xem một số hình ảnh minh họa).

- Những cánh rừng mưa nhiệt đới, những đại dương sâu thẳm, sông ngòi và những khu rừng rậm đa dạng ở Nam Mỹ, hàng chục ngàn chú chim cánh cụt đi lạch bạch qua những con đường nhỏ hẹp trên tuyết ở Nam Cực, những con hải mã khổng lồ, mập mạp nằm lười biếng trong đàn hay cạnh tranh để chinh phục con cái, cuộc săn mồi ki vĩ của đàn cá heo, ca mập, cá ngừ vây xanh ở đại dương, những chú ếch có đôi mắt to bám trên dây leo được quay chậm, như thể chúng bước ra từ một bộ phim hoạt hình của hãng Pích-xa(2) (Pixar)...

***a. Vẻ đẹp kì vĩ, diễm lệ của đời sống muôn loài***

Những cánh rừng mưa nhiệt đới, những đại dương sâu thẳm, sông ngòi và những khu rừng rậm, hàng chục ngàn chú chim cánh cụt đi lạch bạch, những con hải mã khổng lồ, mập mạp, đàn cá heo, ca mập, cá ngừ vây xanh… như thể chúng bước ra từ một bộ phim hoạt hình của hãng Pích-xa(2) (Pixar)...

\* Sử dụng phép liệt kê và so sánh, làm nổi bật vẻ đẹp trù phú, sinh động của thế giới tự nhiên, vẻ đẹp đến ngỡ ngàng, ***choáng ngợp.***

***b. Sự suy thoái, mai một của môi trường***

**\*B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

? Dựa vào thông tin của văn bản, em hãy chỉ ra những dẫn chứng biểu hiện sự xuống cấp, suy thoái của thiên nhiên? Em có nhận xét gì về những cảnh báo đó?

**\* B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân, toàn lớp, đọc tìm kiếm thông tin ở SGK .

**\* B3. Báo cáo kết quả:**

- GV gọi HS trình bày kết quả phát hiện được. HS khác bổ sung.

**\* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức**.

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, ghi bảng, (chiếu cho HS xem một số hình ảnh minh họa).

- Nhiều loài động vật hoang dã bị thu hẹp do biến đổi khí hậu; loài gấu tuyết Bắc Cực phải vất vả kiếm mồi trên những tảng băng; những con hải mã bị mất môi trường sống do băng tan phải leo lên những vực đá và chen chúc trong khoảng không gian chật hẹp, và chết hàng loạt.

- Những dòng sông nước ngọt dài đến hàng ngàn ki-lô-mét nhu sông Mê Kông,. .. đều bị tàn phá nghiêm trọng khiến nhiều giống loài biến mất hoặc đúng bên bờ tuyệt chủng.

- Hơn 70% diện tích của các rừng mưa nhiệt đới bị tàn phá, khiến nhiều loài động vật hoang dã mất nơi ở, nhiệt độ trên Trái Đất ngày càng nóng dẩn lên; lũ lụt, hạn hán ngày càng gây hậu quả nặng nề; số lượng những loài động vật quý như hổ, sư tử, báo đốm, .. cũng đang giầm nhanh chóng.

- Ở các đại dương, nhiều loái cá cũng đang đứng
trước nguy co tuyệt chủng. Một phần ba lượng cá đã biến mất…

- Nhiều loài động vật hoang dã bị thu hẹp do biến đổi khí hậu, nước ngọt và rừng bị tàn phá

- Ở các đại dương, một phần ba lượng cá đã biến mất…

- Lũ lụt, hạn hán ngày càng trầm trọng, nhiệt độ trái đất nóng lên…

\* Những số liệu, minh chứng sinh động, cảnh báo sự sa sút, suy thoái của môi trường tự nhiên ở mức trầm trọng, gây cảm giác ***đau đớn***.

**3. Thông điệp chính từ loạt phim**

**\*B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi (2 phút):

? Em rút ra được thông điệp sâu sắc nào từ văn bản?

**\* B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cặp đôi theo bàn

**\* B3. Báo cáo kết quả:**

- GV gọi đại diện các cặp đôi trình bày kết quả thảo luận. Cặp đôi khác nhận xét, khác bổ sung.

**\* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức**.

- GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức, ghi bảng:

Các thông điệp chính toát ra từ bộ phim, gắn liền với hai từ khoá là *choáng ngợp* và *đau đớn (choáng ngợp* trước vẻ đẹp kì vĩ, diễm lệ của đời sống muôn loài và *đau đớn* trước sự mai một, thậm chí biến mất của vẻ đẹp đó).

Dù Trái Đất đang bị tàn phá nghiêm trọng, nhưng vẫn còn kịp để cứu lấy ngôi nhà duy nhất của chúng ta. Nhiều loài động thực vật lại được hồi sinh nhờ những cam kết bảo vệ nghiêm ngặt trong các khu vực bảo tồn trên thế giới. Một ví dụ điển hình nhất là sự phục hồi của loài cá Voi lưng gù.

- ***Choáng ngợp*** trước vẻ đẹp kì vĩ, diễm lệ của đời sống muôn loài.

- ***Đau đớn*** trước sự mai một, thậm chí biến mất của vẻ đẹp đó.

- Lạc quan vì vẫn còn kịp để cứu lấy ngôi nhà duy nhất của chúng ta.

**III. Tổng kết**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

? Theo em, những giá trị nổi bật tạo nên thành công của văn bản là gì? Nội dung cơ bản nhất của văn bản là gì? Qua đó thể hiện thái độ, tình cảm gì của tác giả?

**\* B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân, toàn lớp, đọc tìm kiếm thông tin ở SGK .

**\* B3. Báo cáo kết quả:**

- GV gọi HS trình bày kết quả phát hiện được. HS khác bổ sung.

**\* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức**.

***1.Nghệ thuật:***

- Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật liệt kê, so sánh; nhiều từ láy, tính từ miêu tả giàu tính gợi hình

- Số liệu, hình ảnh minh họa chân thực, sinh động giàu thuyết phục

***2. Nội dung***:

- Ca ngợi vẻ đẹp kỳ vĩ, sinh động của thiên nhiên

- Cảnh báo sự xuống cấp, suy thoái của môi trường

- Bày tỏ lòng yêu thiên nhiên sâu sắc, tin tưởng và hy vọng vào sự nỗ lực của loài người trong việc cứu lấy ngôi nhà chung…

**C. Luyện tập**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi (3 phút)**

*1. Các hình ảnh minh hoạ trong văn bản thể hiện đặc trưng của kiểu văn bản nào? Các hình ảnh đó có ý nghĩa gì?*

*2. Tác giả văn bản đã thể hiện sự đồng cảm như thế nào đối với nhóm làm phim?*

**\* B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân đọc tìm kiếm thông tin ở SGK, sau đó trao đổi cặp đôi thống nhất ý kiến (3 phút),

**\* B3. Báo cáo kết quả:**

- GV gọi đại diện HS trình bày kết quả phát hiện được. HS cặp đôi khác bổ sung.

**\* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức**.

1. - Kiểu văn bản đa phương thức sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

- Các hình ảnh minh hoạ đã chứng minh tính xác đáng của nhận xét mà tác giả nêu: “Ở mỗi tập phim, người xem lại được thưởng thức những thước phim đẹp đẽ, thậm chí choáng ngợp mà những nhà làm phim đã kì công tạo nên” , tăng tính thuyết phục.

2. Sự đồng cảm của tác giả đối với loạt phim được thể hiện :

+ Cách tác giả đặt nhan đề đầy tính biểu cảm và sử dụng nhiều cụm từ mang nội dung biểu dương, ca ngợi.

+ Sự tâm đắc với những thông điệp chính của “loạt phim”

+ Miêu tả lại bằng phương tiện ngôn ngữ những hình ảnh đẹp có trong phim với cảm giác thích thú (chú ý đoạn từ *Hàng chục ngàn chú chim cánh cụt* đến *một bộ phim hoạt hình của hãng Pích-xa).*

C. Vận dụng:

Em có đồng cảm với thông điệp mà tác giả và loạt phim đưa ra không? Viết một đoạn văn 10 đến 15 câu thể hiện sự hưởng ứng của em về mong muốn cứu lấy Trái đất- ngôi nhà chung của chúng ta.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tuần 31**Tiết 123** | **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:** **CÂU PHỦ ĐỊNH VÀ CÂU KHẲNG ĐỊNH** | NS;23.4.2024ND:25.3.2024 |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

 HS hiểu và phân biệt được các đặc điểm riêng của câu phủ định, câu khẳng định.(HS khuyết tật chỉ thực hiện yêu cầu này)

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

***\* Năng lực đặc thù***

- HS nhận biết được câu phủ định và câu khẳng định trong các văn bản đọc hiểu.

- HS biết cách dùng câu phủ định, câu khẳng định khi tạo lập văn bản.

.***3. Về phẩm chất:***Biết tự chủ trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính

- SGK, SGV

**III.CHUỖI CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**:

**GV** tổ chức cho học sinh nhận biết dấu hiệu các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.

**GV** kết nối với nội dung của bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**.

- GV chiếu các câu có đáu hiệu nhận biết các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.

Cho biết các từ in đậm là đáu hiệu nhận biết của kiểu câu phân loại theo mục đích nói nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận, xác định phù hợp.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trình bày kết quả

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét

- Kết nối vào bài học.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (10’)**

**Hoạt động 1: Nhận biết câu phủ định và câu khẳng định.**

**a. Mục tiêu:** Nắm được dấu hiệu nhận biết câu phủ định, câu khảng định.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục “Nhận biết câu phủ định và câu khẳng định”

*- Nêu dấu hiệu nhận biết các kiểu câu phủ định.*

*- Nêu dấu hiệu nhận biết câu khẳng định.*

- HS thực hiện nhiệm vụ

- Dự kiến sản phẩm:

- Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ dịnh như: Không, chảng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có pahir (là), đâu (có)…Câu phủ định dùng để

a. Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất quan hệ nào đó (phủ định miêu tả)

b. Phản bác một ý kiến, một nhận định (Phủ định bác bỏ)

- Câu khẳng định là câu không có phương tiện thể hiện sự phủ định vốn thường được dùng để đánh dấu câu phủ định. Câu khẳng định xác nhận có sự tồn tại của một đối tượng hay của một diễn biến nào đó.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺Ghi lên bảng

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**I. Nhận biết câu phủ định và câu khẳng định.**

- Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ dịnh như: Không, chảng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)…Câu phủ định dùng để

a. Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất quan hệ nào đó (phủ định miêu tả)

b. Phản bác một ý kiến, một nhận định (Phủ định bác bỏ)

- Câu khẳng định là câu không có phương tiện thể hiện sự phủ định vốn thường được dùng để đánh dấu câu phủ định. Câu khẳng định xác nhận có sự tồn tại của một đối tượng hay của một diễn biến nào đó.

**3. HĐ 3: Luyện tập (25’)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Bài tập 1**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng

- GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.

**Bài tập 1 SGK trang 101**

a. Câu khẳng định

-> Xác nhận sự thật về lợi ích của hiện tượng ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong câu không có từ ngữ đặc trưng mang ý nghĩa phủ định.

b. Câu phủ định – phủ định bác bỏ

-> Câu này thể hiện ý phản bác một nhận thức cho rằng “Cách sống với mùa nước nổi hàng năm” mới hình thành trong thời gian gần đây. Trong câu có từ phủ định “không” (ở cụm từ “điều này không mới”)

c. Câu phủ định – phủ định miêu tả

-> Xác định không có tình trạng người nói quên đi mảnh đất tươi dẹp của mình. Trong câu có sự xuất hiện của cụm từ mang ý nghĩa phủ định là “chẳng thể”.

**NV2:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp bài tâp 2

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;

- Dự kiến sản phẩm: Phiếu học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng

**Bài tập 2 SGK trang 101**

a. Không phải câu phủ định mặc dù xuất hiện từ “không” (không hiểu). Trọng tâm thông báo là “tôi” (thủ lĩnh Xi – át - tơn) biết hay không biết về vấn đề chứ không phải là người da trắng hiểu hay không hiểu về cách sống của người da đỏ. Nên khi câu xác định sự “biết” của “tôi” thì câu đó là câu khẳng định.

b. Câu phủ định bác bỏ. Vì câu có từ “chẳng” (xuất hiện 02 lần) và nội dung của nó ngầm bác bỏ nhận thức rằng cuộc sống của người da trắng vẫn bình thường trong khi, theo cách nhìn của người da đỏ, đó là cuộc sống không bình thường (mọi âm thanh đáng yêu của sự sống đều được cảm nhận là “ tiếng ồn ào lăng mạ”).

c. Câu phủ định miêu tả. Vì câu có từ “không” và xác nhận rằng người dân ở vùng châu thổ sông Cửu Long không có sự lo ngại về lũ lụt.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) viết về vai trò của thiên nhiên, môi trường với cuộc sống của chúng ta có sử dụng câu phủ định, câu khẳng định.